

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHỔ YÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HSST  
Ngày: 16/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bá Quyền.
2. Ông Bùi Quý Minh Ánh.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2020/HSST ngày 17/11/2020; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/QĐXX-ST ngày 02/12/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức T**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1973; tại Phổ Yên – Thái Nguyên; Trú tại: Tổ dân phố TT, phường BB, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế M (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ thứ nhất là Lê Thị O, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có một con chung sinh năm 2007; vợ thứ hai là Trần Thị T, sinh năm 1970 (đã ly hôn), không có con chung.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 16/6/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn S, sinh năm 1989, trú tại: Xóm CC, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990, trú tại: LN, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1959, trú tại: Tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Ông Đặng Văn K, sinh năm 1960, trú tại: Tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (Văng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là một đối tượng nghiện ma túy nên thường đi mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác để kiếm lời phục vụ cho việc sử dụng ma túy của mình. Ngày 15/6/2020, T đến ngôi nhà có cửa sắt đóng kín tại xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy, rồi mang về chia ra được hơn 10 gói nhỏ để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Vào khoảng 19 giờ ngày 15/6/2020 Trần Văn S điện thoại cho T hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn gặp S ở khu vực vườn cây thuộc tổ dân phố TQ, phường BB, tại đây T đã bán cho S 100.000đồng tiền heroin, sau khi mua được ma túy S đã sử dụng hết. Đến khoảng 14 giờ ngày 16/6/2020 Nguyễn Văn C và Trần Văn S gặp nhau ở khu vực chợ Sam Sung thuộc phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó C và S rủ nhau đi mua ma túy để sử dụng. S gọi điện cho Nguyễn Đức T hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn S đến khu vực tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên để mua bán ma túy. Khi gặp nhau S đưa cho T 100.000đ, T đưa cho S 01 gói ma túy, lúc này C cũng đưa cho T 100.000đ, T đưa cho C 01 gói ma túy. Khi T vừa bán ma túy cho S và C xong thì bị tổ công tác của Công an thị xã PY phát hiện bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang, Nguyễn Đức T tự nguyện lấy từ túi quần bên trái phía trước đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói giấy bạc bên trong có chứa chất rắn màu trắng đục, 02 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 100.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen; Nguyễn Văn C và Trần Văn S mỗi người tự nguyện giao nộp 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất rắn màu trắng đục. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của Trần Văn S 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng thu giữ và đưa T, S, C về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PY để giải quyết. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PY phối hợp với phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng các gói chất rắn màu trắng đục thu giữ của Nguyễn Đức T, Trần Văn S và Nguyễn Văn C, kết quả: 01 gói chất rắn màu trắng đục thu giữ của T có khối lượng 0,049gam; gói chất rắn màu trắng đục thu giữ của C có khối lượng 0,033gam; gói chất rắn màu trắng đục thu giữ của S có khối lượng 0,037gam.

Tại Kết luận giám định số 808/KL-KTHS ngày 24/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Số chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Đức T có khối lượng 0,049gam, số chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn C có khối lượng 0,033gam, Số chất rắn màu trắng thu giữ của Trần Văn S có khối lượng 0,037gam đều là chất ma túy, loại Heroine.

Tại phiên tòa Nguyễn Đức T đã khai nhận ngày 15/6/2020 Sau khi đi mua 500.000đồng tiền ma túy (heroin) về bị cáo chia ra được hơn 10 gói nhỏ, cùng ngày Trần Văn S gọi điện hỏi mua ma túy, bị cáo đồng ý và hẹn gặp S ở khu vực vườn cây thuộc tổ dân phố TQ, phường BB, tại đây T đã bán cho S 100.000đồng tiền heroin; đến khoảng 14 giờ ngày 16/6/2020 S gọi điện cho T hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn S đến khu vực tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái

Nguyên để bán ma túy, tại đây T đã bán cho S và C mỗi người một gói ma túy với giá 100.000đồng. T đã nhận được của S và C số tiền 200.000đồng và đã đưa cho S và C mỗi người một gói ma túy, sau đó thì bị Công an bắt.

Bản Cáo trạng số 181/CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức T từ 08 đến 09 năm tù. Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt bị cáo T từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M1 ghi hoàn trả 0,039 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M1; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M2 ghi hoàn trả 0,023 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu 2; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M3 ghi hoàn trả 0,027 gam mẫu M3 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M3; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu N ghi vỏ bao mẫu lưu kho. Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Sam sung A5, bên trong có hai sim điện thoại và 200.000đ tiền thu lợi bất chính của bị cáo T. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia bên trong có 01 sim điện thoại của Trần Văn S. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không tranh luận gì. Nói lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Anh anh Trần Văn S đã được giao giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Toà án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm,

hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản cận trọng lượng, kết luận giám định chất ma túy. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Do háms lợi nên Nguyễn Đức T đã mua ma túy để sử dụng và bán đã nhiều lần bán ma túy cho Trần Văn S và Nguyễn Văn C, cụ thể: Khoảng 19 giờ, ngày 15/9/2020 tại khu vực tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Đức T đã bán cho Trần Văn S 01 gói ma túy với giá 100.000đ, S đã sử dụng hết. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2020, tại khu vực tổ dân phố TQ, phường BB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Đức T tiếp tục bán trái phép cho Trần Văn S 01 gói ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,037gam với giá 100.000đ và bán cho Nguyễn Văn C 01 gói ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,033gam. Còn lại 01 gói ma túy, loại Heroine khối lượng 0,049gam T chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi, ý thức nêu trên của Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 181/CT-VKSPY ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS quy định:

*“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...*

*b) Phạm tội 02 lần trở lên;*

*c) Đối với 02 người trở lên.”*

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, làm kiệt quệ kinh tế, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, là nguyên nhân mắc căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, được gia đình nuôi dưỡng, học đến lớp 10 thì nghỉ học nhưng lại thiếu rèn luyện, không chịu tu dưỡng, ham chơi, lười lao động, thiếu bản lĩnh nên đã sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, chính từ đó đã dẫn bị cáo đến việc phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi mua trái chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của mình là sai trái nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt: Trong thời gian gần đây tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung và trên địa bàn thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên có chiều hướng gia tăng, làm cho quần chúng nhân dân bất bình, gây mất trật tự an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần và đối với nhiều người. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt và làm ăn lương thiện đồng thời cũng đề rắn đe phòng ngừa chung. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích vụ lợi nên ngoài hình phạt chính, cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M1 ghi hoàn trả 0,039 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M1; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M2 ghi hoàn trả 0,023 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M2; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M3 ghi hoàn trả 0,027 gam mẫu M3 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M3; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu N ghi vỏ bao mẫu lưu kho. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 200.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T là tiền bị cáo thu lợi bất chính do bán ma túy cho Trần Văn S, Nguyễn Văn C mà có; 01 phong bì có dấu đỏ kí hiệu Đ2 ghi điện thoại Sam Sung tạm giữ của Nguyễn Đức T là chiếc điện thoại T liên lạc trao đổi mua bán ma túy với Trần Văn S, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 phong bì có dấu đỏ kí hiệu Đ1 ghi điện thoại Nokia tạm giữ của Trần Văn S dùng để liên lạc mua ma túy với T, xong do hành vi của S không cấu thành tội phạm. Nay cần trả lại cho anh S chiếc điện thoại này.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10]. Các hành vi khác: Trong vụ án này, Trần Văn S và Nguyễn Văn C có hành vi mua ma túy (heroin) của Nguyễn Đức T để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên khối lượng ma túy của S và C tàng trữ dưới 0,1gam, bản thân S và C đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này hay bị kết án về các tội quy định tại Điều 248, 250, 251 và 252 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản giáo dục nhắc nhở đối với S và C là phù hợp. Về nguồn gốc chất ma túy theo bị cáo T khai mua tại ngôi nhà có cửa sắt đóng kín ở xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/6/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đức T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Đức T 5.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M1 ghi hoàn trả 0,039 gam mẫu M1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M1; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M2 ghi hoàn trả 0,023 gam mẫu M2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M2; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu M3 ghi hoàn trả 0,027 gam mẫu M3 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu M3; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ kí hiệu N ghi vỏ bao mẫu lưu kho

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính và 01 phong bì có dấu đỏ kí hiệu Đ2 ghi điện thoại Sam Sung tạm giữ của Nguyễn Đức T.

Trả lại cho Trần Văn S 01 phong bì có dấu đỏ kí hiệu Đ1 ghi điện thoại Nokia tạm giữ của Trần Văn S.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 16/11/2020 và uỷ nhiệm chi số 329 ngày 18/11/2020).*

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND phường BB;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- *Lưu HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên)**

**Hà Thị Thu Thủy**